

Số: TVHN-331/DBQG

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2024

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN

I. Diễn biến xu thế thủy văn

1. Khu vực Miền núi phía Bắc:

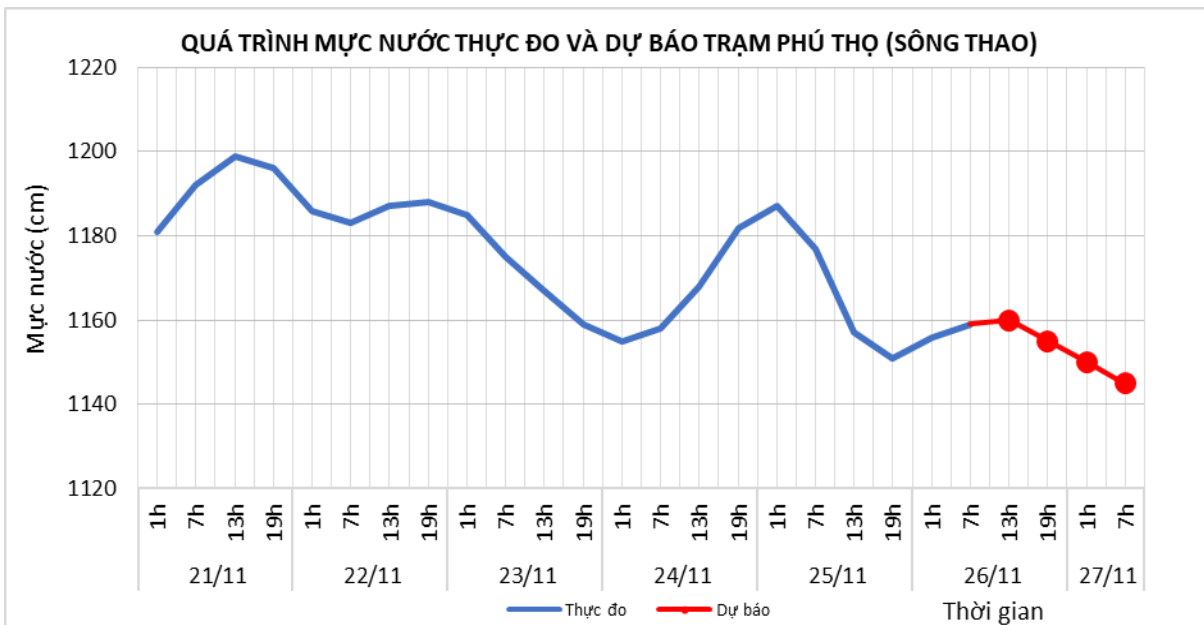
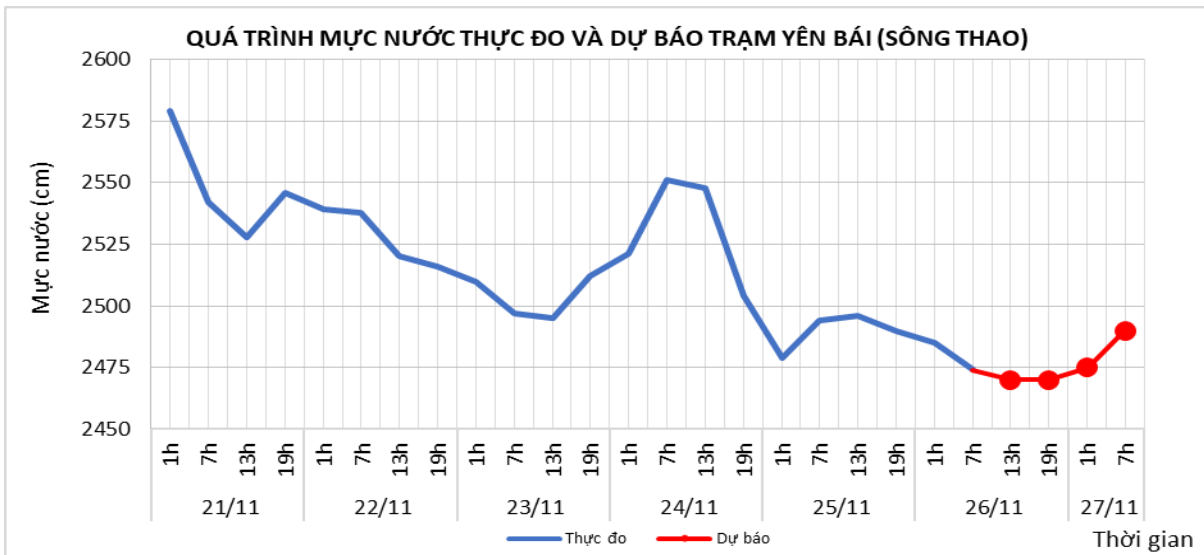
1.1. Lưu vực sông Thao

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại Yên Bái, Phú Thọ đang biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại Yên Bái và Phú Thọ tiếp tục biến đổi chậm.



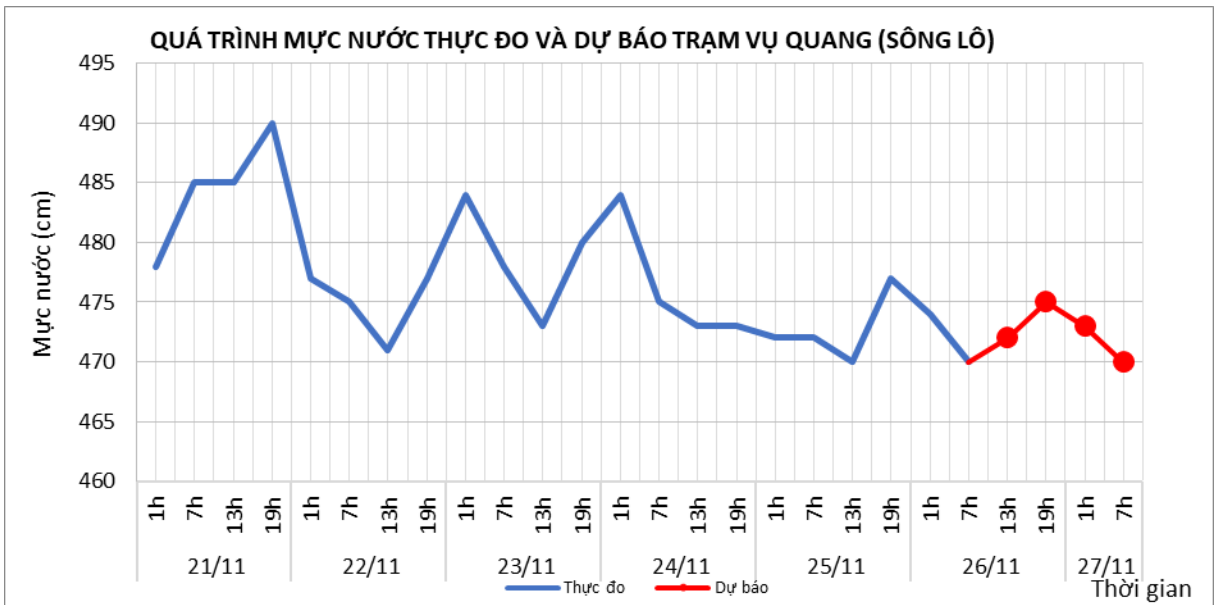
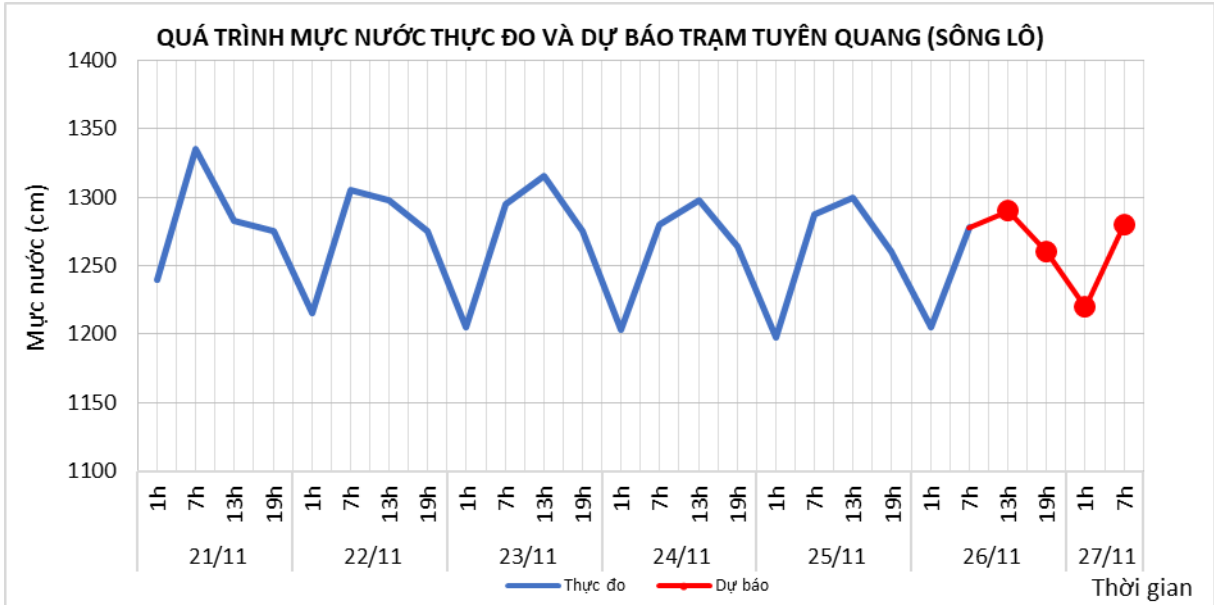
1.2. Lưu vực sông Lô

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước tại Tuyên Quang, Vụ Quang đang biến đổi chậm theo điều tiết các hồ tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước tại Tuyên Quang, Vụ Quang tiếp tục biến đổi chậm theo điều tiết các hồ tuyến trên.



2. Khu vực Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ:

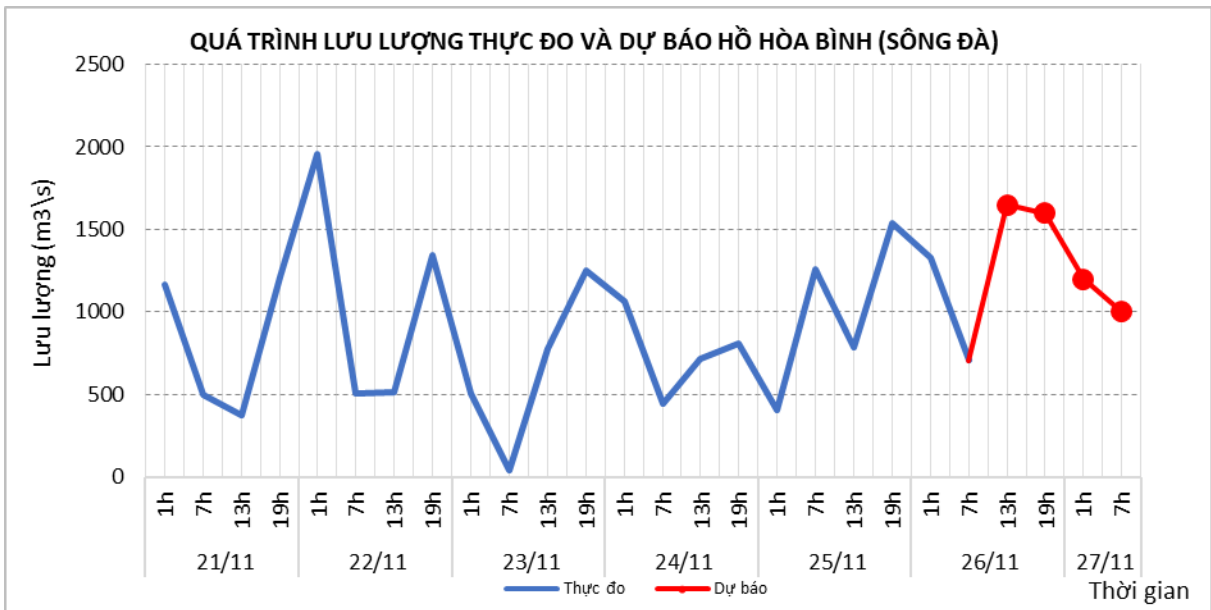
2.1 Lưu vực sông Đà

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình sẽ dao động theo chế độ điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên.



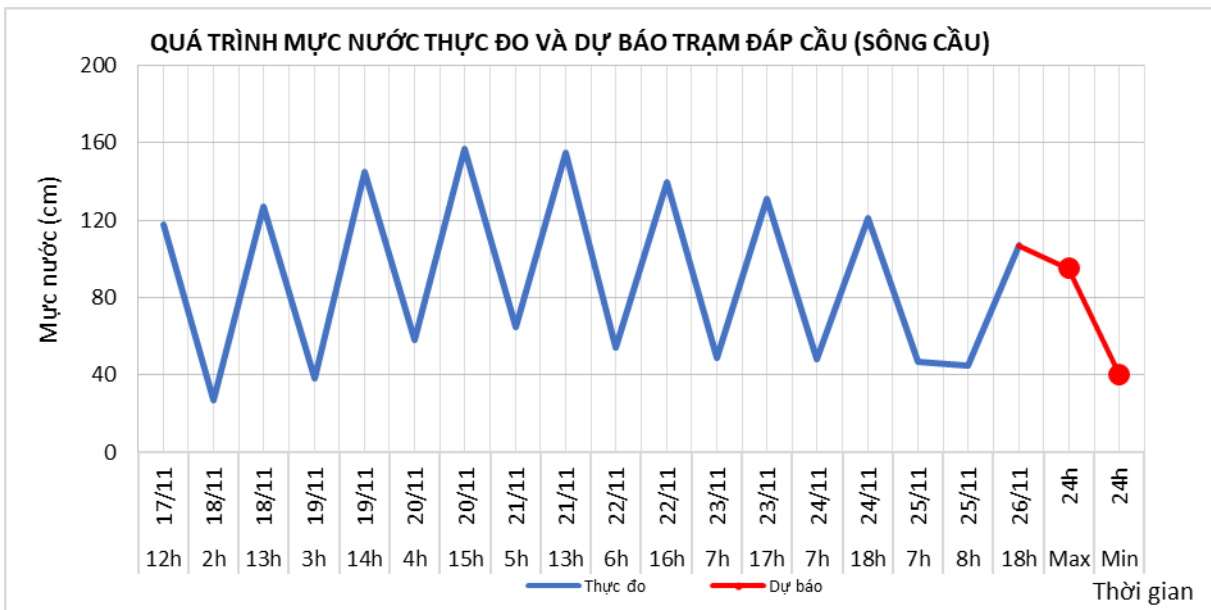
2.2. Lưu vực sông Cầu

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước sông Cầu tại Đập Cầu đang biến đổi chậm và ảnh hưởng của thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước sông Cầu tại Đập Cầu tiếp tục biến đổi chậm và ảnh hưởng của thủy triều.



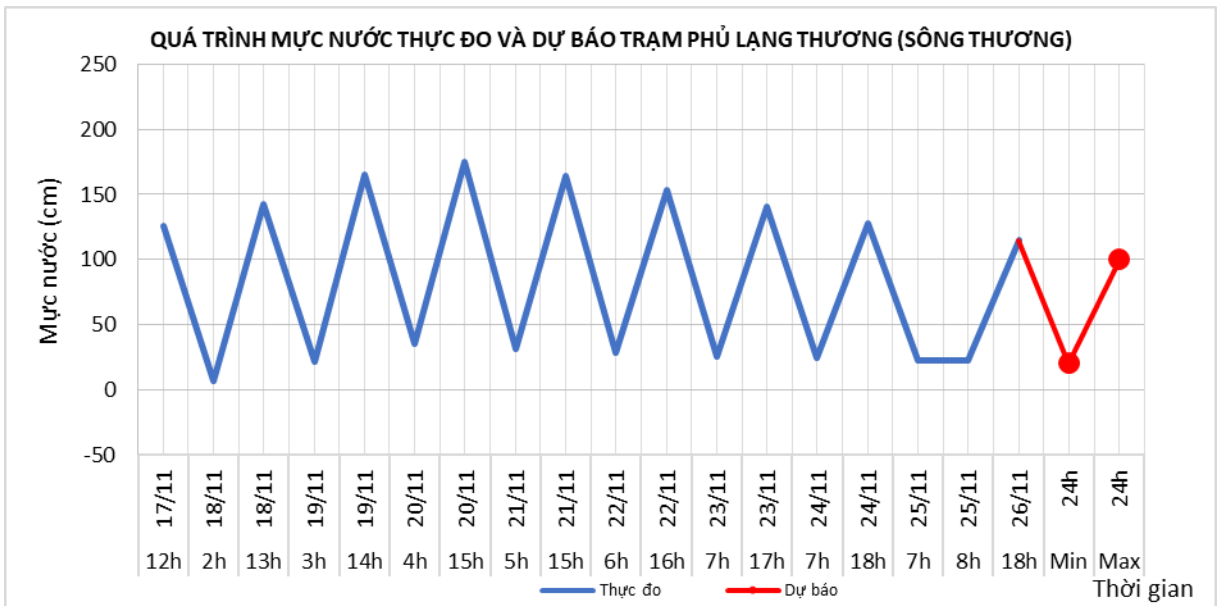
2.3. Lưu vực sông Thương

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước sông Thương tại Phủ Lạng Thương đang biến đổi chậm và ảnh hưởng của thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước sông Thương tại Phủ Lạng Thương tiếp tục biến đổi chậm và ảnh hưởng của thủy triều.



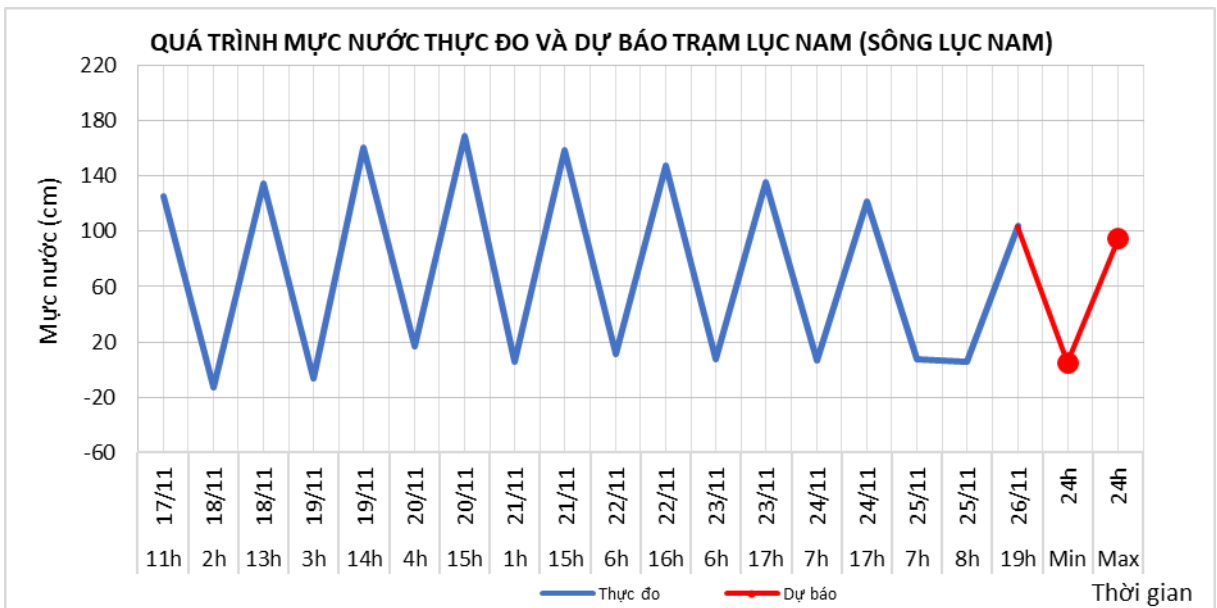
2.4. Lưu vực sông Lục Nam

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Lục Nam đang biến đổi chậm và ảnh hưởng của thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Lục Nam tại Lục Nam tiếp tục biến đổi chậm và ảnh hưởng của thủy triều.



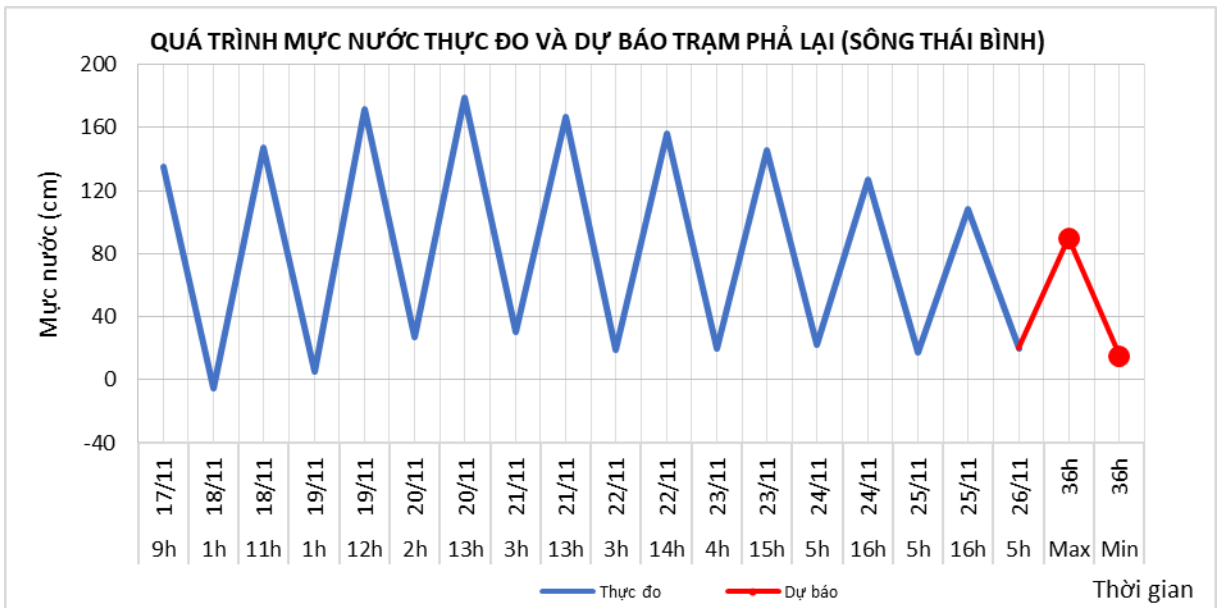
2.5. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Thái Bình tại Phả Lại đang biến đổi chậm và ảnh hưởng bởi thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Thái Bình tại Phả Lại biến đổi chậm và ảnh hưởng bởi thủy triều. Trong 36h tới, mức nước tại Phả Lại cao nhất dự báo là 0,90m, thấp nhất là 0,15m.



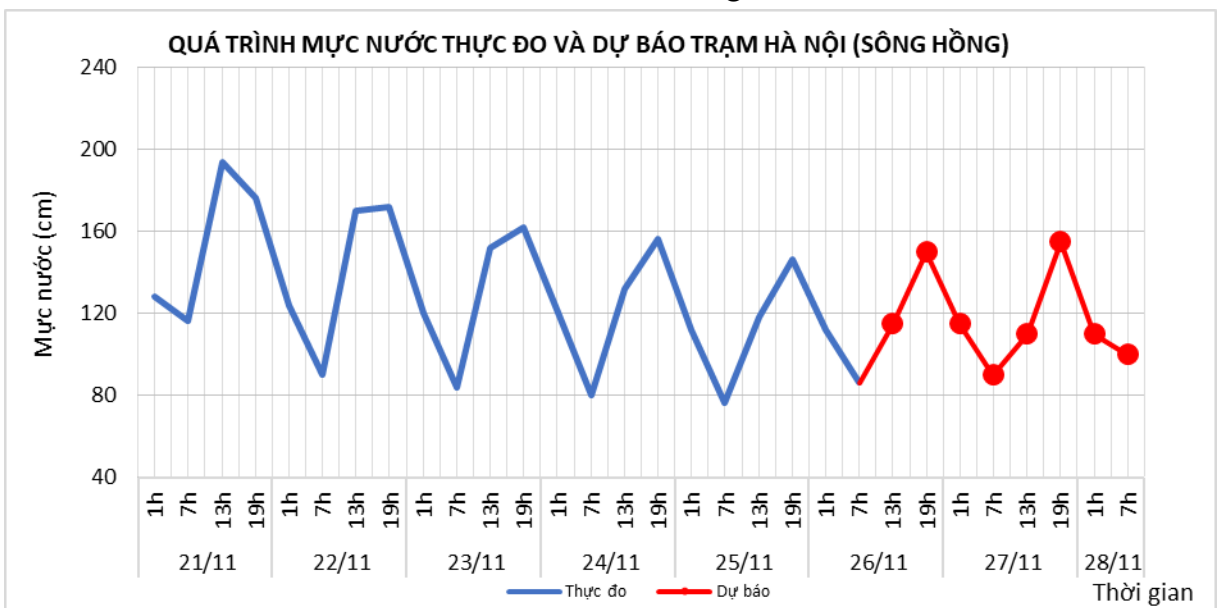
2.6. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội đang biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Hồng tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Đến 7h/28/11 mức nước tại trạm Hà Nội có khả năng ở mức 1,0m.



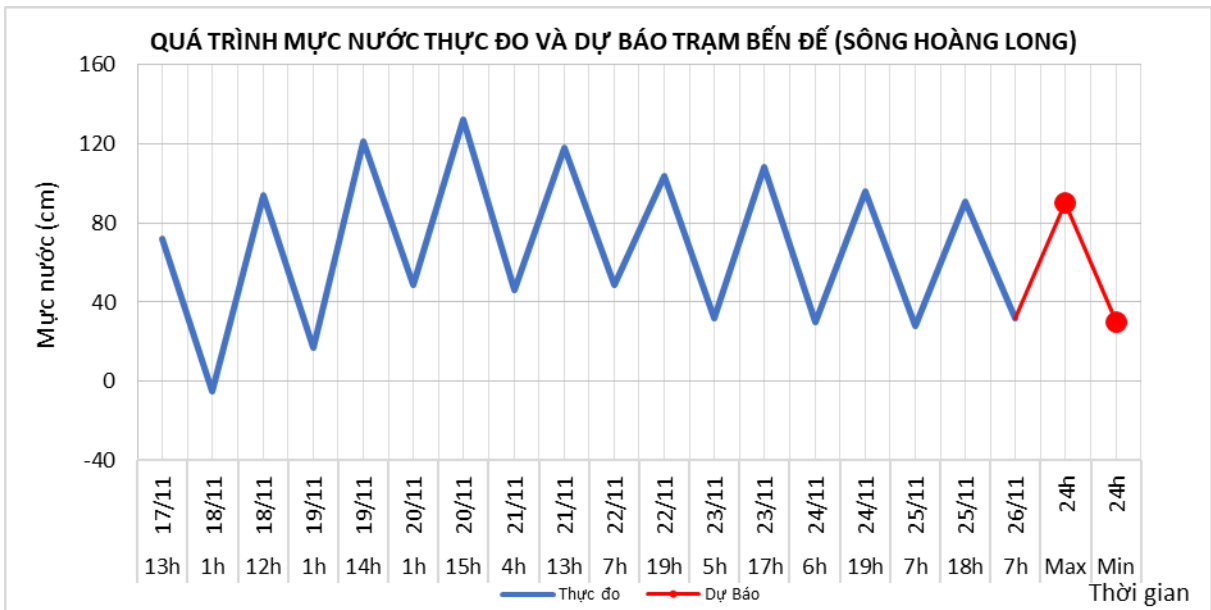
2.7. Lưu vực sông Hoàng Long

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Hoàng Long tại Bến Đé đang biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hoàng Long tại Bến Đé tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều.



3. Khu vực Bắc Trung Bộ

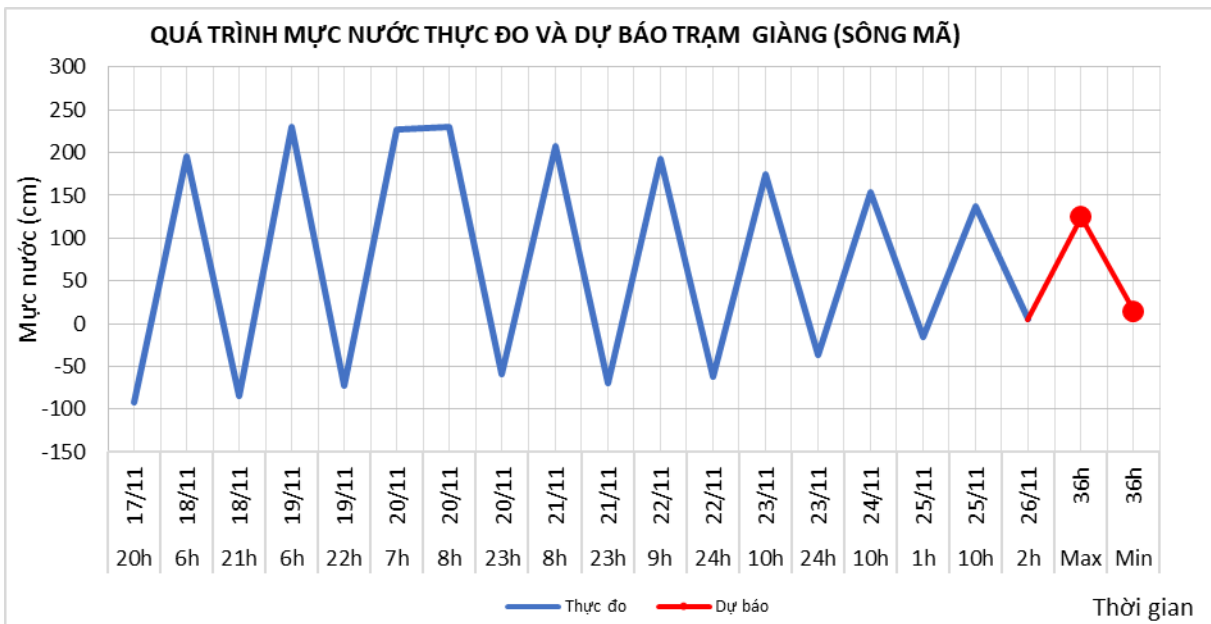
3.1. Lưu vực sông Mã

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.



3.2. Lưu vực sông Cả

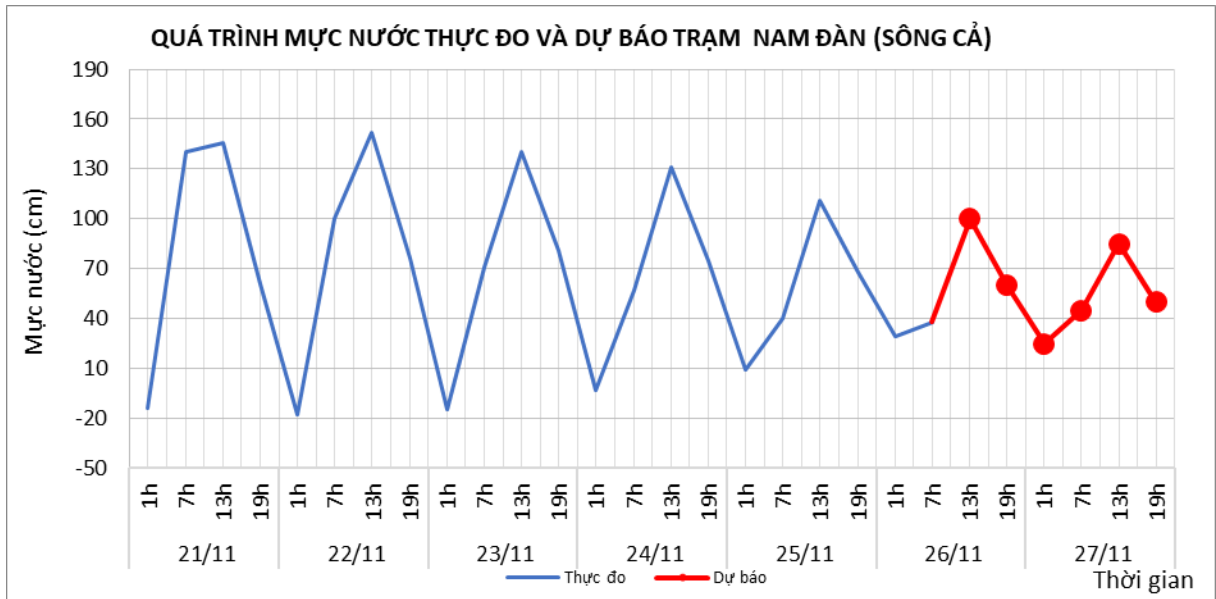
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu

biến đổi theo triều.



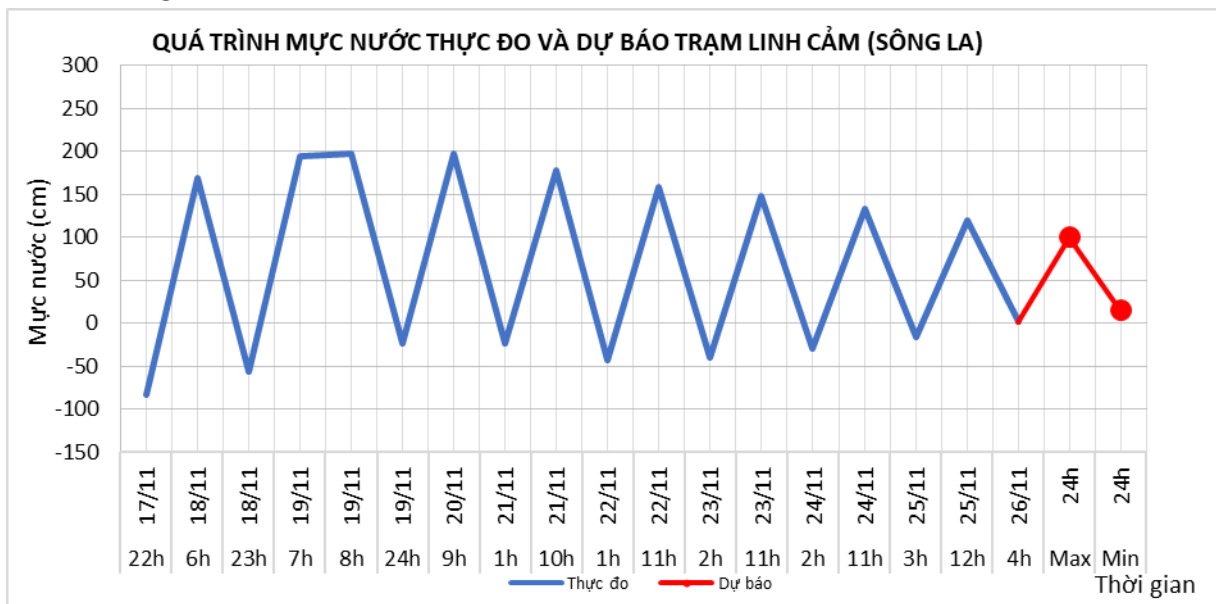
3.3. Lưu vực sông La

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố có dao động; hạ lưu sông La dao động theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố sẽ lên nhưng còn dưới mức BĐ1, hạ lưu sông La có dao động.



4. Khu vực Trung Trung Bộ

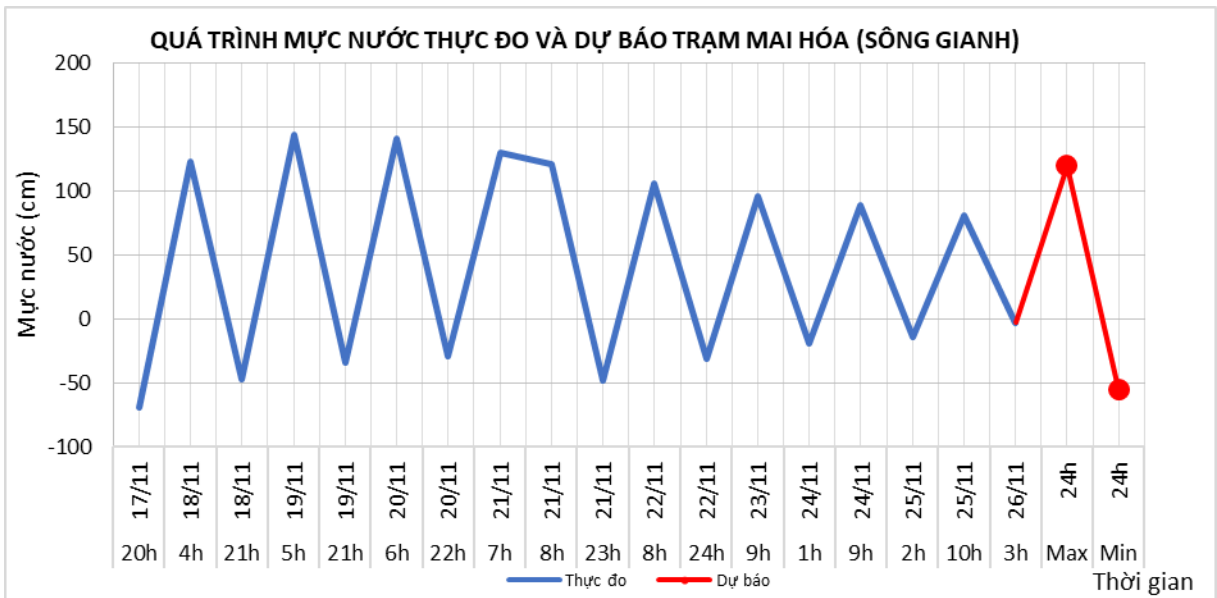
4.1. Lưu vực sông Gianh

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Gianh đang lên, hạ lưu dao động theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Gianh khả năng tiếp tục lên và đạt đỉnh ở mức dưới BĐ1.



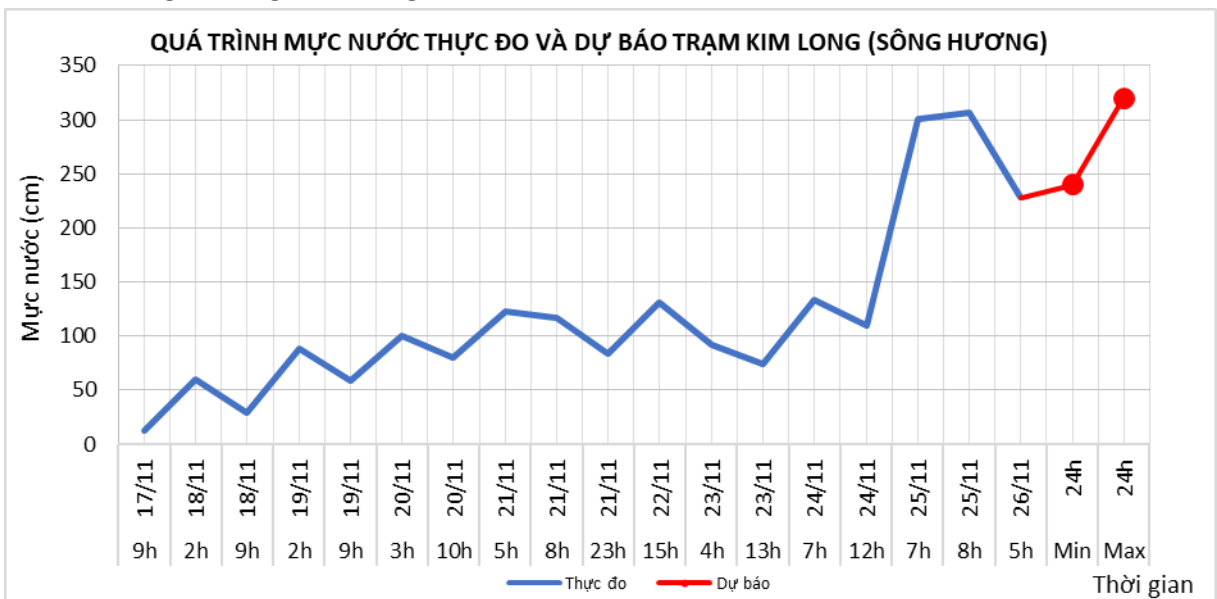
4.2. Lưu vực sông Hương

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Hương đang dao động ở trên mức BĐ2. Mức nước lúc 07h/26/11 tại Kim Long 2,38m, trên BĐ2 0,38m.

b. Dự báo, cảnh báo

Lũ trên sông Hương dao động ở mức cao BĐ2-BĐ3.



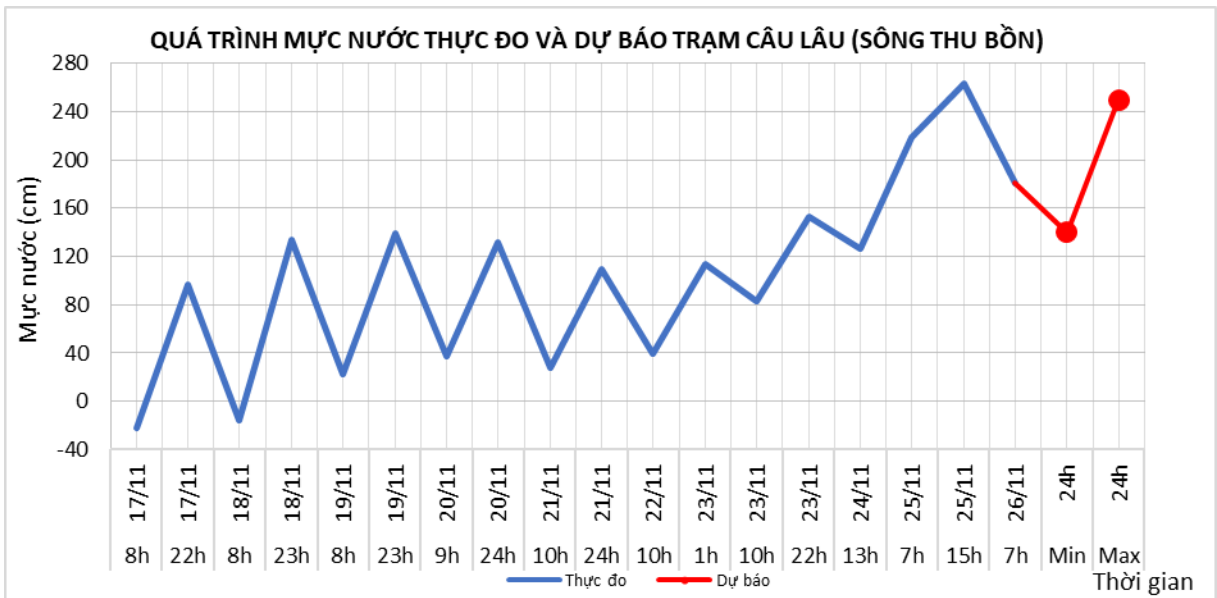
4.3. Lưu vực sông Vu Gia Thu Bồn

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên hạ lưu sông Vu Gia-Thu Bồn đã đạt đỉnh và đang xuống chậm. Đỉnh lũ trên sông Vu Gia tại Ái Nghĩa 7,56m (10h/25/11), dưới BĐ2 0,56m, trên sông Thu Bồn tại Câu Lâu 2,63m (15h/25/11), dưới BĐ2 0,37m.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Vu Gia-Thu Bồn tiếp tục xuống chậm, sau khả năng có dao động.



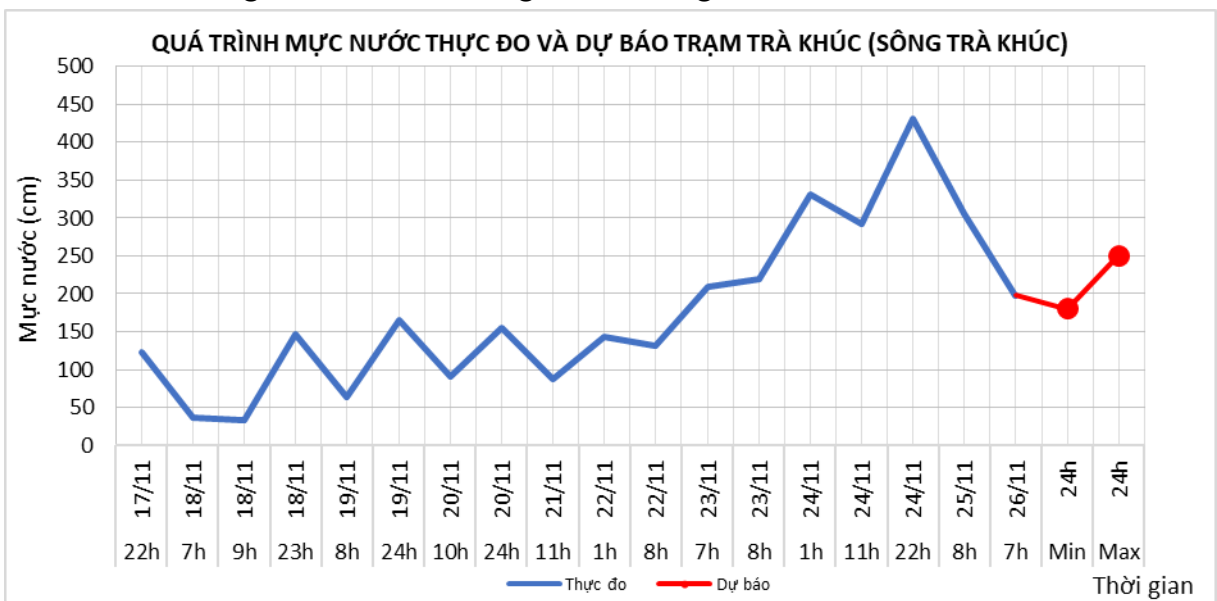
4.4. Lưu vực sông Trà Khúc

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Trà Khúc đang xuống dưới mức BĐ1.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực trên các sông Trà Khúc khả năng có dao động.



4.4. Các sông khác

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lũ trên sông Kiến Giang (Quảng Bình) đã đạt đỉnh ở mức trên BĐ1 và đang xuống chậm, sông Bò (Thừa Thiên Huế) đang dao động ở trên mức BĐ2; mực nước các sông Quảng Nam và Quảng Ngãi xuống chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước các sông Quảng Bình, Quảng Trị có khả năng sẽ lên, lũ trên sông Bò (Thừa Thiên Huế) dao động ở mức BĐ2-BĐ3, các sông khác mực nước có dao động

Cảnh báo: Từ nay (26/11) đến ngày 28/11, trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi có khả năng xuất hiện một đợt lũ. Đỉnh lũ trên các sông ở mức BĐ1-BĐ2, có nơi

trên BĐ2, riêng các sông Thừa Thiên Huế ở mức BĐ2-BĐ3.

Nguy cơ cao xảy ra ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông, lũ quét và sạt lở đất trên các sườn dốc ở khu vực vùng núi từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi.

5. Khu vực Nam Trung Bộ

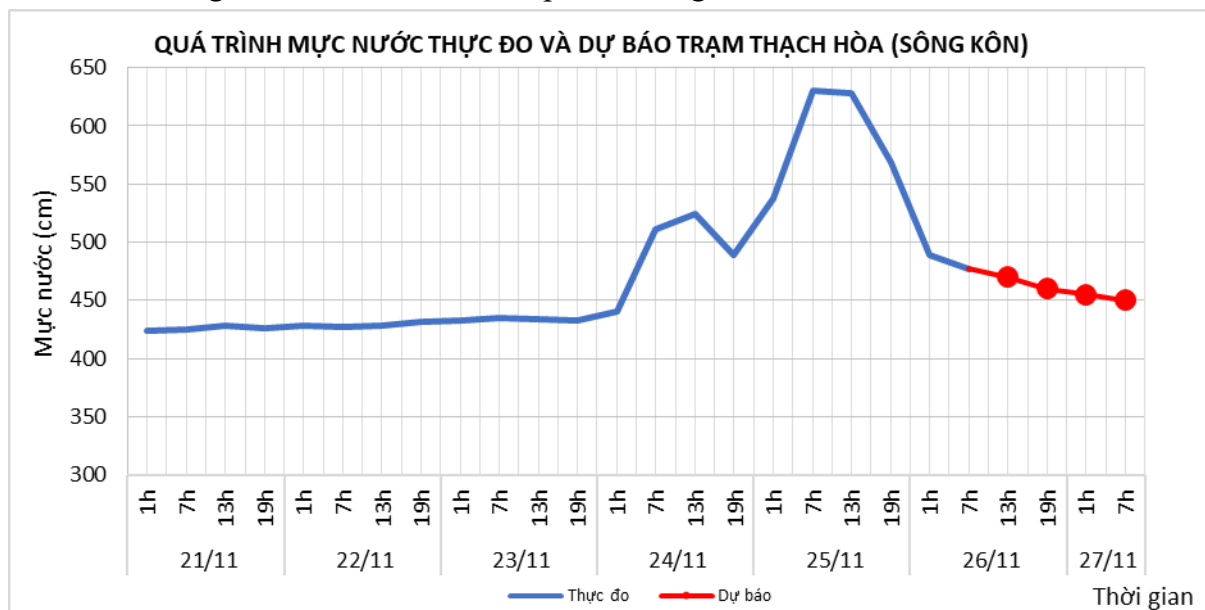
5.1. Lưu vực sông Kôn

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Kôn tại Thạnh Hòa đang xuống nhanh.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Kôn tại Thạnh Hòa tiếp tục xuống.



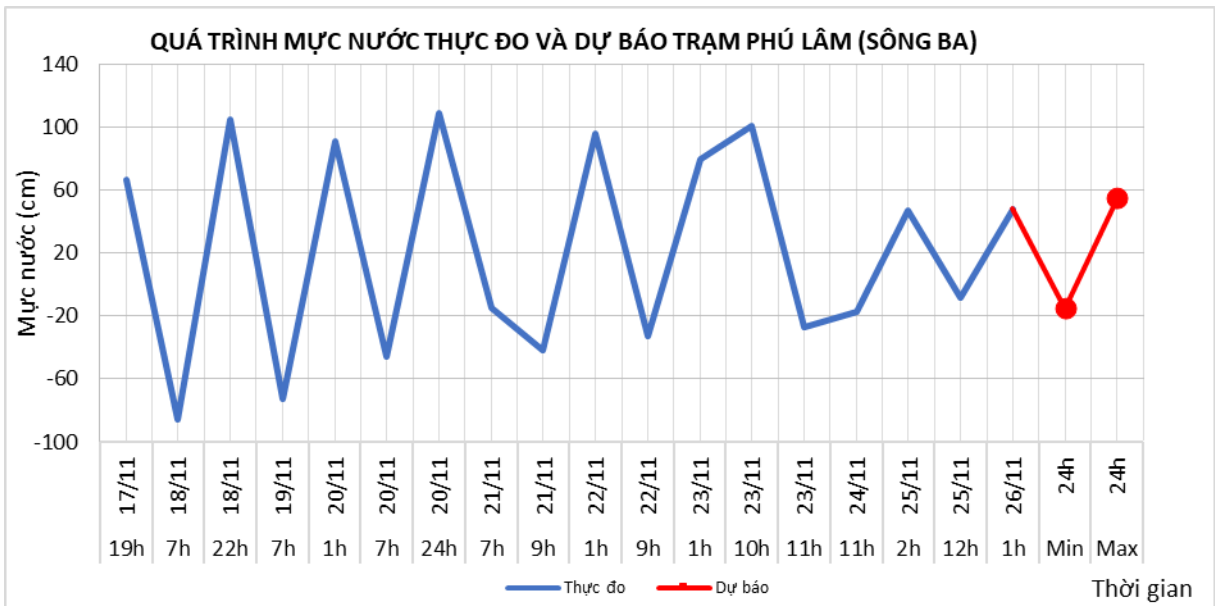
5.2. Lưu vực sông Ba

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng, trung lưu sông Ba biến đổi chậm, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.



6. Khu vực Tây Nguyên

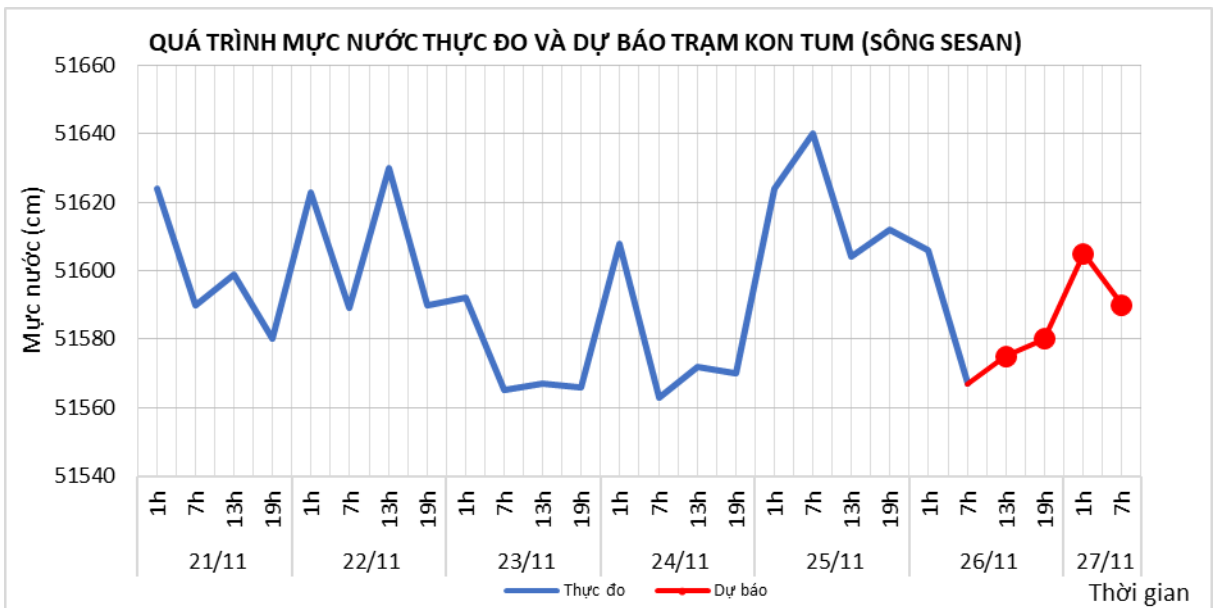
6.1. Lưu vực sông Sê San

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước các sông dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước các sông dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện.



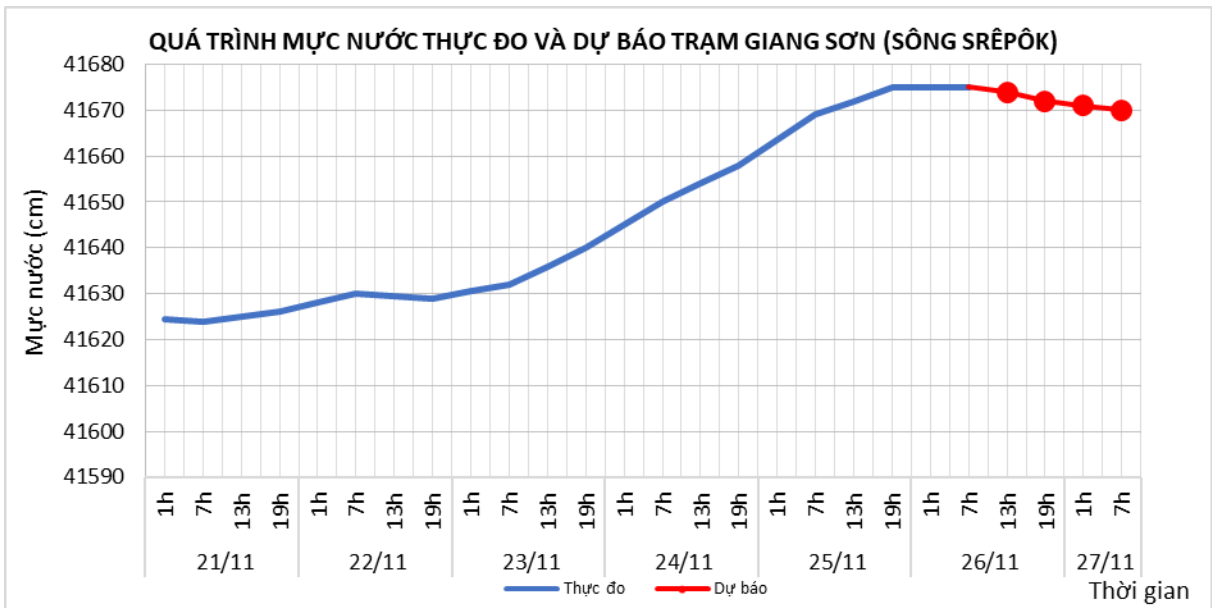
6.2. Lưu vực sông Srêpôk

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Krông Ana biến đổi chậm; mức nước các sông khác dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Krông Ana biến đổi chậm; mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của nhà máy thủy điện.



6.3. Các sông khác

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước dao động.

7. Khu vực Nam Bộ

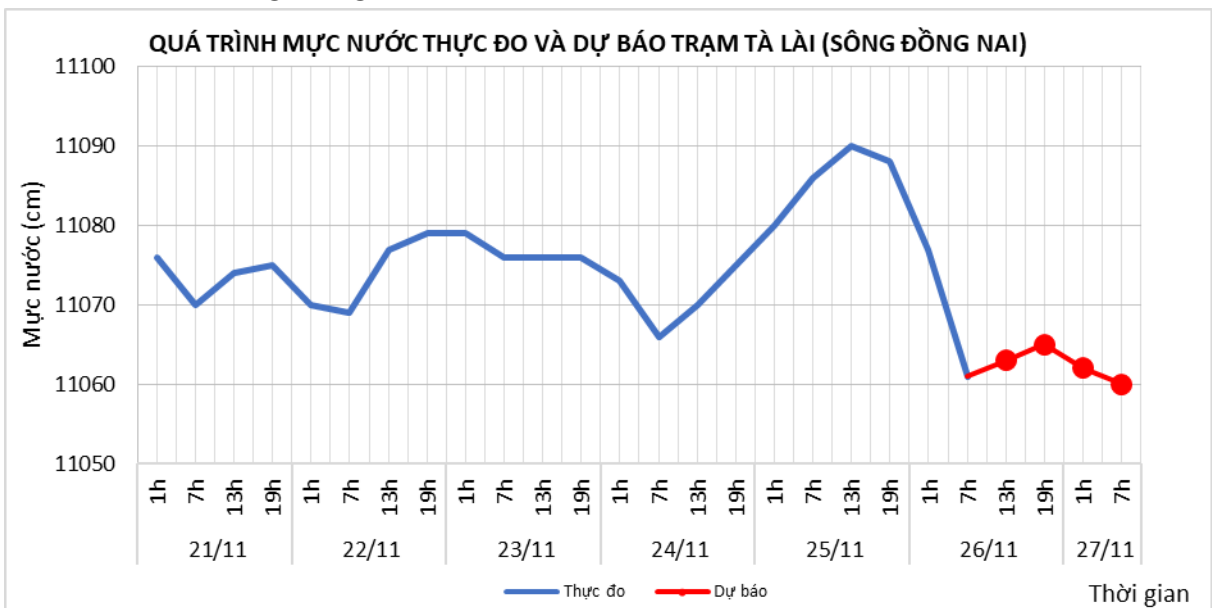
7.1. Lưu vực sông Đồng Nai

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài biến đổi chậm.



7.2. Lưu vực sông Cửu Long

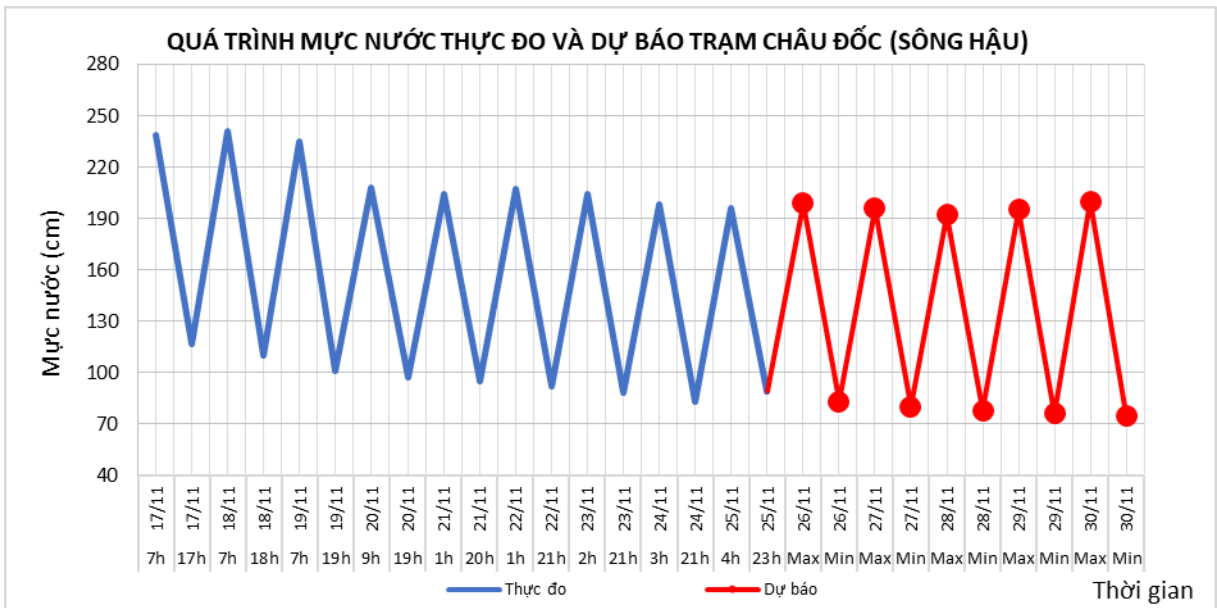
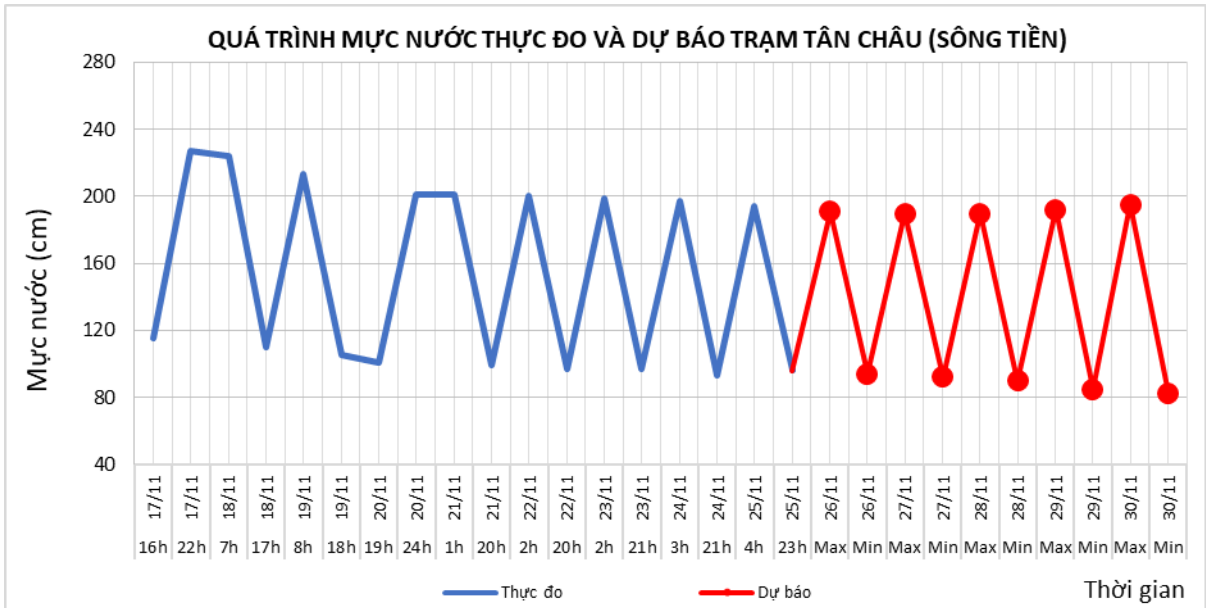
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long đang xuống theo triều. Mức nước cao nhất ngày

25/11 trên sông Tiền tại Tân Châu 1,94m, trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,96m.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều. Đến ngày 30/11, mực nước cao nhất ngày tại Tân Châu ở mức 1,95m, tại Châu Đốc ở mức 2,0m..



II. Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

| Sông | Trạm | Mực nước thực đo (cm) | | | | Mực nước dự báo (cm) | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----------|-----------------|-----------------------|-----------|----------|----------|----------------------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|-----------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|
| | | 13h-25/11 | 19h-25/11 | 1h-26/11 | 7h-26/11 | 13h-26/11 | | 19h-26/11 | | 1h-27/11 | | 7h-27/11 | | 13h-27/11 | | 19h-27/11 | | 1h-28/11 | | 7h-28/11 | |
| Đà | Hồ Hòa Bình (*) | 783 | 1542 | 1329 | 706 | 1650 | ↑ | 1600 | ↓ | 1200 | ↓ | 1000 | ↓ | | | | | | | | |
| Thao | Yên Bái | 2496 | 2490 | 2485 | 2474 | 2470 | ↓ | 2470 | → | 2475 | ↑ | 2490 | ↑ | | | | | | | | |
| Thao | Phú Thọ | 1157 | 1151 | 1156 | 1159 | 1160 | ↑ | 1155 | ↓ | 1150 | ↓ | 1145 | ↓ | | | | | | | | |
| Lô | Tuyên Quang | 1300 | 1260 | 1205 | 1278 | 1290 | ↑ | 1260 | ↓ | 1220 | ↓ | 1280 | ↑ | | | | | | | | |
| Lô | Vụ Quang | 470 | 477 | 474 | 470 | 472 | ↑ | 475 | ↑ | 473 | ↓ | 470 | ↓ | | | | | | | | |
| Hồng | Hà Nội | 118 | 146 | 112 | 86 | 115 | ↑ | 150 | ↑ | 115 | ↓ | 90 | ↓ | 110 | ↑ | 155 | ↑ | 110 | ↓ | 100 | ↓ |
| Cả | Nam Đàn | 111 | 68 | 29 | 38 | 100 | ↑ | 60 | ↓ | 25 | ↓ | 45 | ↑ | 85 | ↑ | 50 | ↓ | | | | |
| Kôn | Thanh Hòa | 628 | 569 | 489 | 477 | 470 | ↓ | 460 | ↓ | 455 | ↓ | 450 | ↓ | | | | | | | | |
| Đăkbla | Kon Tum | 51604 | 51612 | 51606 | 51567 | 51575 | ↑ | 51580 | ↑ | 51605 | ↑ | 51590 | ↓ | | | | | | | | |
| Krông Ana | Giang Sơn | 41674 | 41675 | 41676 | 41675 | 41674 | ↓ | 41672 | ↓ | 41671 | ↓ | 41670 | ↓ | | | | | | | | |
| Đồng Nai | Tà Lài | 11090 | 11088 | 11077 | 11061 | 11063 | ↑ | 11065 | ↑ | 11062 | ↓ | 11060 | ↓ | | | | | | | | |

Ghi chú: (*): Q m³/s

| Sông | Trạm | Thực đo 24h và 36h qua (cm) | | | | Dự báo 24h và 36h tới (cm) | | | |
|------------|-----------------|-----------------------------|---|--------------------|---|----------------------------|---|--------------------|---|
| | | Mực nước cao nhất | | Mực nước thấp nhất | | Mực nước cao nhất | | Mực nước thấp nhất | |
| Cầu | Đáp Cầu | 107 | ↓ | 45 | ↓ | 95 | ↓ | 40 | ↓ |
| Thương | Phủ Lạng Thương | 115 | ↓ | 22 | ↑ | 100 | ↓ | 20 | ↓ |
| Lục Nam | Lục Nam | 104 | ↓ | 6 | ↑ | 95 | ↓ | 5 | ↓ |
| Thái Bình | Phả Lại (**) | 108 | ↓ | 17 | → | 90 | ↓ | 15 | ↓ |
| Hoàng Long | Bến Đé | 91 | ↓ | 32 | ↑ | 90 | ↓ | 30 | ↓ |
| Mã | Giàng (**) | 137 | ↓ | -16 | ↑ | 125 | ↓ | 15 | ↑ |
| La | Linh Cảm | 120 | ↓ | 1 | ↑ | 100 | ↓ | 15 | ↑ |
| Gianh | Mai Hóa | 81 | ↓ | -3 | ↑ | 250 | ↑ | 90 | ↑ |
| Hương | Kim Long | 306 | ↑ | 228 | ↑ | 320 | ↑ | 240 | ↑ |
| Thu Bồn | Câu Lâu | 263 | ↑ | 181 | ↑ | 195 | ↓ | 140 | ↓ |
| Trà Khúc | Trà Khúc | 306 | ↓ | 198 | ↓ | 250 | ↓ | 180 | ↓ |
| Đà Rằng | Phú Lâm | 48 | ↑ | -8 | ↑ | 55 | ↑ | -15 | ↓ |

Ghi chú: Các trạm (**) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

Khu vực Nam Bộ:

| Sông | Trạm | Mức nước cao nhất ngày | | | | | | | | | | Mức nước thấp ngày | | | | | | | | | | | | | |
|-----------|----------|------------------------|-------|--------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------------------|-------|--------|---|----|---|----|---|----|---|----|---|----|---|
| | | Thực đo | | Dự báo | | | | | | | | Thực đo | | Dự báo | | | | | | | | | | | |
| | | 25/11 | 26/11 | 27/11 | 28/11 | 29/11 | 30/11 | 25/11 | 26/11 | 27/11 | 28/11 | 29/11 | 30/11 | | | | | | | | | | | | |
| Sông Tiền | Tân Châu | 194 | ↓ | 191 | ↓ | 190 | ↓ | 190 | → | 192 | ↑ | 195 | ↑ | 96 | ↓ | 94 | ↓ | 92 | ↓ | 90 | ↓ | 85 | ↓ | 82 | ↓ |
| Sông Hậu | Châu Đốc | 196 | ↓ | 199 | ↑ | 196 | ↓ | 192 | ↓ | 195 | ↑ | 200 | ↑ | 89 | ↓ | 83 | ↓ | 80 | ↓ | 78 | ↓ | 76 | ↓ | 75 | ↓ |

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 10h30' ngày 27/11

Tin phát lúc: 10h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng